

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Số: 13 /2022/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của UBND thành phố về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị quyết số 107/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ủy thác ngân sách thành phố sang Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố để cho vay đối với cán bộ, công chức, người lao động có hoàn cảnh khó khăn;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 75/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Trên cơ sở ý kiến của Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội tại Công văn số 10805/NHCS-TDSV ngày 24/11/2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 38/TTr-STC ngày 31/5/2022; trên cơ sở kết quả biểu quyết tại cuộc họp Ủy ban nhân dân thành phố thường kỳ ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Ủy viên UBND thành phố.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của UBND thành phố về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 2 điểm b khoản 4 Điều 7 như sau:

“- Có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, có xác nhận của UBND xã, phường nơi người vay cư trú hợp pháp;”

b) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 3 điểm b khoản 4 Điều 7 như sau:

“- Thực hiện dự án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 và điểm a, điểm b khoản 6 Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 9 như sau:

“Lãi suất cho vay là 0% (kể cả hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vay từ nguồn vốn trung ương, nếu có) trong thời gian vay tối đa 36 tháng kể từ ngày nhận tiền vay, không áp dụng đối với các khoản nợ đã bị chuyển nợ quá hạn. Hộ vay được hỗ trợ 100% tiền lãi trong hạn trên mức hạn mức vay tối đa 30.000.000 đồng/hộ.”

b) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 3 điểm a khoản 6 Điều 9 như sau:

“- Mức cho vay tối đa không quá 100.000.000 đồng/người vay. Trường hợp 01 hộ có từ 02 cán bộ, công chức, người lao động trở lên đủ điều kiện vay vốn thì chỉ thực hiện cho vay tối đa 01 người vay thuộc hộ đó”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 Điều 9 như sau:

“ b) Thời hạn cho vay: Thời hạn cho vay tối đa 120 tháng. Đối với từng trường hợp cụ thể do người có thẩm quyền phê duyệt và người vay thỏa thuận căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay, khả năng trả nợ, nguồn vốn cho vay và thời gian công tác còn lại tại đơn vị của người vay;”

3. Sửa đổi bổ sung điểm c khoản 1 Điều 11 như sau:

“Sau khi trích lập dự phòng rủi ro tín dụng và chi phí quản lý cho Chi nhánh NHCSXH theo quy định, số tiền lãi thu được còn lại (nếu có) được trích chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các Sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách thành phố, cụ thể:

- Phân bổ tối đa 5% số tiền lãi thu được cho Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH thành phố để chi cho các hoạt động theo quy định, bao gồm chi hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH thành phố, các quận và hỗ trợ kinh phí hoạt động Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH huyện.

- Phân bổ tối đa 5% cho mỗi cơ quan là Công an thành phố, Công đoàn viên chức thành phố và phân bổ tối đa 3% cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo từng chương trình cho vay để các cơ quan thực hiện nhiệm vụ được giao tại Khoản 3, Điều 15 Quy chế này;

- Phân bổ tối đa 1% chi hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất, điều kiện làm việc cho Chi nhánh NHCSXH phục vụ cho hoạt động tín dụng chính sách trên địa bàn; hỗ trợ hoạt động điểm giao dịch xã, phường.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 15 như sau:

a) Đối với NHCSXH các cấp thực hiện các nhiệm vụ:

- Hướng dẫn nghiệp vụ; thẩm định hồ sơ vay vốn và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định từng chương trình cho vay;

- Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định; lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

- Hạch toán kế toán đối với nguồn vốn và dư nợ từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH theo quy định;

- Tham mưu UBND các cấp tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện cho vay các chương trình tín dụng hằng năm.

b) Đối với Chi nhánh NHCSXH thành phố, Phòng giao dịch NHCSXH huyện Hòa Vang, ngoài các nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản 4 Điều này còn có nhiệm vụ:

- Ký hợp đồng ủy thác với cơ quan chuyên môn được ủy quyền theo quy định. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách của địa phương chuyển sang NHCSXH theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại văn bản này;

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị xây dựng kế hoạch nguồn vốn hàng năm cho các đối tượng vay gửi cơ quan Tài chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

- Trước ngày 20 của tháng đầu quý, tạm tính và trích phân bổ tiền lãi cho vay thu được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 11, và cuối năm vào ngày 31/12, trích lập dự phòng rủi ro và quyết toán trích lập các khoản tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 11 của Quy chế này theo đúng quy định. Đối với nội dung trích lập quy định tại Điểm d, Khoản 1 và Điểm d, Khoản 2, Điều 11 được thực hiện vào quý I năm liền kề. Định kỳ quý, năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện các khoản thu, chi theo quy định.

- Định kỳ hằng năm báo cáo UBND các cấp kết quả tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương chuyển qua NHCSXH trong quý I của năm sau theo quy định.

Điều 2. Bãi bỏ một số từ, cụm từ của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của UBND thành phố về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân



hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

1. Bỏ cụm từ “các quận,”, từ “quận” tại điểm b khoản 1 và bỏ từ “quận,” tại điểm b khoản 2 Điều 1;
2. Bỏ từ “quận,” tại khoản 1, khoản 2 Điều 2;
3. Bỏ từ “quận,” tại khoản 1 Điều 3;
4. Bỏ từ “quận,” tại khoản 2 Điều 4;
5. Bỏ từ “quận,” tại tên khoản 2 Điều 11 và bỏ từ “quận,”, từ “, phường” tại điểm c khoản 2 Điều 11;
6. Bỏ từ “quận,” cụm từ “và quận,” tại điểm b, điểm d khoản 2 Điều 12;
7. Bỏ từ “quận,” tại khoản 3 Điều 13;
8. Bỏ từ “quận,” tại điểm c khoản 6 Điều 15.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 7 năm 2022. Các nội dung khác không bị sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thì thực hiện theo Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 và Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của UBND thành phố.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *W*

Nơi nhận: *W*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp;
- Ngân hàng Chính sách xã hội VN;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TVTU, TT HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBNDTP;
- UBNDTTQVN thành phố Đà Nẵng;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Chi nhánh NHCSXH TPĐN;
- Ủy ban nhân dân các quận, huyện;
- Ủy ban nhân dân các phường, xã;
- Công TTĐT TPĐN, Công báo;
- Lưu: VT. 30

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Kỳ Minh